

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tần

2. Ông Nguyễn Bá Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Kim T, sinh năm 1998

ĐKHKT: khu 2, xã Q, Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hà Đức C, sinh năm 1992

ĐKHKT: khu 13, xã Q, Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Anh C đang sống và làm việc tại Hàn Quốc)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thanh A, SN 1966.

Địa chỉ: khu 13, xã Q, Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T, bà A có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Kim T trình bày: Chị và anh Hà Đức C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ ngày 21/7/2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về ở nhà bố mẹ anh C tại khu 13, xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau hơn 3 năm chung sống, chị và anh C thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Tháng 9/2018 chị đã làm đơn ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện Đ nhưng được gia đình hòa giải nên chị đã rút đơn để cho nhau cơ hội đoàn tụ. Cũng vào tháng 9/2018 thì anh C đi Hàn Quốc để lao động đến nay. Thời gian anh C đi nước ngoài anh chị vẫn thường xuyên cãi vã lại không có điều kiện ở bên cạnh yêu thương, chăm sóc nhau, không tìm được tiếng nói chung nên dần dần anh chị ít nói chuyện và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Hiện

nay chị đã về sống ở nhà bố mẹ đẻ. Chị không biết địa chỉ cụ thể của anh C ở Hàn Quốc, anh C không liên lạc với chị nhưng anh C vẫn liên lạc với mẹ đẻ là bà Trần Thị Thanh A ở khu 13, xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Hà Đức B sinh ngày 20/7/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng để cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung để cháu có cuộc sống ổn định vì cháu vẫn sống ở gia đình anh C cùng ông bà nội từ nhỏ đến nay.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với thân nhân của anh Hà Đức C. Tại biên bản lấy lời khai, bản tự khai và tại phiên tòa, bà Trần Thị Thanh A là mẹ đẻ của anh C và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Anh C là con đẻ của bà, anh C đi lao động Hàn Quốc từ năm 2018, hiện nay anh C vẫn đang ở Hàn Quốc. Bà và gia đình không biết địa chỉ của anh C ở Hàn Quốc, chỉ thỉnh thoảng anh C điện thoại về hỏi thăm gia đình. Anh C và chị T có 01 con chung. Theo yêu cầu của Tòa án, bà có yêu cầu anh C cung cấp địa chỉ hoặc gửi tờ khai về cho gia đình để gia đình cung cấp cho Tòa án nhưng anh C không nói địa chỉ và cũng không gửi quan điểm về cho gia đình nên gia đình không thể cung cấp cho Tòa án được. Anh C chỉ nói trong điện thoại là nếu ly hôn thì anh C muốn được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng theo yêu cầu của Tòa án cho anh C. Về việc chị T xin ly hôn, bà cùng gia đình và anh C đều biết, bà và gia đình không có ý kiến gì vì đó là việc riêng của anh C chị T. Đối với con chung của anh C và chị T, chị T có nguyện vọng để cho anh C nuôi thì gia đình bà đều đồng ý và gia đình bà không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại, anh C đang lao động ở Hàn Quốc, anh C có liên lạc về cho gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ ở Hàn Quốc cho gia đình biết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh C tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T được ly hôn với anh C; về con chung là cháu Hà Đức B giao cho anh Hà Đức C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, tạm giao cháu B cho bà Trần Thị Thanh A nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước; về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Kim T nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Hà Đức C tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, trong đơn khởi kiện chị T trình bày hiện nay anh C đang lao động tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có công văn số: 14/TA-DS ngày 13/12/2019 gửi Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Hà Đức C. Tại văn bản số: 20873/QLXNC-P5 ngày 27/12/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: Anh Hà Đức C đã xuất nhập cảnh ngày 21/9/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

Hiện tại, anh Hà Đức C đang ở Hàn Quốc nhưng không có địa chỉ cụ thể, gia đình anh C không cung cấp được địa chỉ cũng như không gửi được các văn bản tố tụng theo yêu cầu của Tòa án cho anh C. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao được xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 21/7/2016 chị Đỗ Kim T và anh Hà Đức C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Anh C đi lao động tại Hàn Quốc từ năm 2018 đến nay chưa về. Từ trước thời điểm này tình cảm vợ chồng đã bắt đầu rạn nứt và phát sinh mâu thuẫn, sau khi anh C đi nước ngoài thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách nên còn không quan tâm, chia sẻ tình cảm, cuộc sống gia đình với nhau. Do vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên chị T xin được ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị T xin ly hôn anh C là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và bà A đều thống nhất về việc giao con chung là cháu Hà Đức B cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và để bà A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B cho đến khi anh C về nước. Xét thấy nguyện vọng của chị T, bà A là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C chưa có ý kiến gửi đến tòa án. Bà A là người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B thay anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà A, khi anh C về nước vẫn còn quyền khởi kiện yêu cầu về cấp dưỡng nên cần chấp nhận sự tự nguyện của bà A, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh C không có mặt tại địa phương nên chưa xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Kim T được ly hôn anh Hà Đức C.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Đức B, sinh ngày 20/7/2016 cho anh Hà Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B thành niên, lao động tự túc được nhưng tạm giao cháu B cho bà Trần Thị Thanh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B thay cho anh C cho đến khi anh C về nước.

Chị Đỗ Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004055 ngày 08/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Đỗ Kim T, bà Trần Thị Thanh A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Đức C được quyền kháng cáo để xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến